

BỘ MÔN

**ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI
VÀ
CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**



CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

1. Một số vấn đề lý luận chung về quản lý nhà nước
2. Mô hình quản lý Nhà nước đối với FDI
3. Quy trình quản lý Nhà nước đối với FDI



1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

○ 1.1. Khái niệm

- ❖ *Quản lý*: là sự tác động của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu đặt ra trong điều kiện biến động của môi trường.
 - ✓ Mục tiêu
 - ✓ Chủ thể
 - ✓ Đối tượng
 - ✓ Công cụ
 - ✓ Môi trường
- ❖ *Quản lý nhà nước*: Quản lý nhà nước đối với xã hội là sự tác động có tổ chức và bằng quyền lực nhà nước đến các quá trình xã hội, các hành vi hoạt động của công dân và mọi tổ chức trong xã hội nhằm duy trì và phát triển trật tự xã hội, bảo toàn, củng cố và phát huy quyền lực nhà nước.
- ❖ *Quản lý nhà nước đối với hoạt động FDI*



1.2. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG FDI

○ 1.2.1. Quan điểm

- ❖ Quản lý nhà nước nhằm thực hiện một cách tốt nhất định hướng của Luật Đầu tư nước ngoài:
 - ✓ Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại;
 - ✓ Mở cửa tranh thủ mọi nguồn lực quốc tế nhưng không coi nhẹ đầu tư cho sản xuất trong nước;
 - ✓ Mở cửa có kèm theo các biện pháp che chắn cần thiết.
- ❖ Quản lý nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu của Việt Nam trong hợp tác đầu tư với nước ngoài:
 - ✓ Thu hút vốn và công nghệ;
 - ✓ Tạo việc làm, phát triển nguồn nhân lực;
 - ✓ Khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng của đất nước.
- ❖ Quản lý nhà nước nhằm đảm bảo cho hoạt động FDI tuân thủ pháp luật Việt Nam



1.2.2. MỤC TIÊU

- ✓ Đáp ứng tốt nhất việc thực hiện các mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế xã hội;
- ✓ Huy động và sử dụng với hiệu quả cao nhất nguồn vốn FDI;
- ✓ Đảm bảo quá trình thực hiện đầu tư tuân thủ đúng pháp luật.



1.3. NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI FDI

- Điều 54 Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam 1996
- ❖ Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách ĐTNN;
- ❖ Soạn thảo và ban hành các văn bản pháp luật về ĐTNN;
- ❖ Hướng dẫn các ngành, địa phương trong việc thực hiện các hoạt động liên quan đến ĐTNN;
- ❖ Thẩm định, cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép đầu tư;
- ❖ Quy định việc phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong quản lý hoạt động ĐTNN;
- ❖ Kiểm tra, thanh tra và giám sát các hoạt động ĐTNN.



ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI CỦA FDI

❖ *Giá trị gia tăng*

➤ *Chỉ tiêu tuyệt đối*

- ✓ *NDVA (Net Domestic Value Added – Giá trị gia tăng thuần quốc nội)*

$$NDVA = O - (M+I)$$

O: Output M: Material I: Investment

- ✓ *NNVA (Net National Value Added – Giá trị gia tăng thuần quốc dân)*

$$NNVA = NDVA - RP$$

RP: Return of Payment

- ✓ *SS (Social Surplus) = NNVA – W (Wages)*

➤ *Chỉ tiêu tương đối*

- ✓ *NDVA/Tổng vốn đầu tư*
- ✓ *NNVA/phần vốn góp của bên Việt Nam*
- ✓ *NDVA/GDP so với tổng vốn FDI thực hiện/Tổng vốn đầu tư toàn xã hội*
- ✓ *RP/NDVA so với vốn góp của bên nước ngoài/tổng FDI thực hiện*



ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI CỦA FDI (TIẾP)

❖ Lao động

➤ *Chỉ tiêu tuyệt đối:*

- ✓ *Số việc làm trực tiếp trong khu vực FDI*
- ✓ *Số việc làm gián tiếp do FDI tạo ra*
- ✓ *Tiền lương*

➤ *Chỉ tiêu tương đối*

- ✓ *Năng suất lao động*
- ✓ *So sánh: tỷ lệ lao động trong khu vực FDI/Tổng lao động toàn xã hội với Vốn FDI/Tổng vốn đầu tư toàn xã hội*

➤ *Chỉ tiêu khác*

- ✓ *Trình độ của người lao động;*
- ✓ *Đầu tư cho đào tạo và đào tạo lại*



ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI CỦA FDI (TIẾP)

❖ *Ngoại tệ*

➤ *Cán cân vốn*

- ✓ *Góp vốn bằng tiền nước ngoài*
- ✓ *Chuyển vốn, lợi nhuận ra khỏi Việt Nam*

➤ *Cán cân thương mại*

- ✓ *Kim ngạch xuất khẩu*
 - ✓ *Kim ngạch nhập khẩu*
 - ✓ *Cán cân thương mại*
 - ✓ *Tiết kiệm ngoại tệ*
 - ✓ *Tăng thu ngoại tệ*
- *Tỷ giá hối đoái thực tế của dự án = tổng chi phí của dự án bằng tiền Việt Nam / tổng tiết kiệm hoặc tăng thu ngoại tệ*



ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI CỦA FDI (TIẾP)

- ❖ *Công nghệ*
- ❖ *Phát triển ngành, lĩnh vực*
- ❖ *Phát triển kinh tế vùng lãnh thổ*
- ❖ *Môi trường*
- ❖ *Các chỉ tiêu khác*



2. MÔ HÌNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI FDI

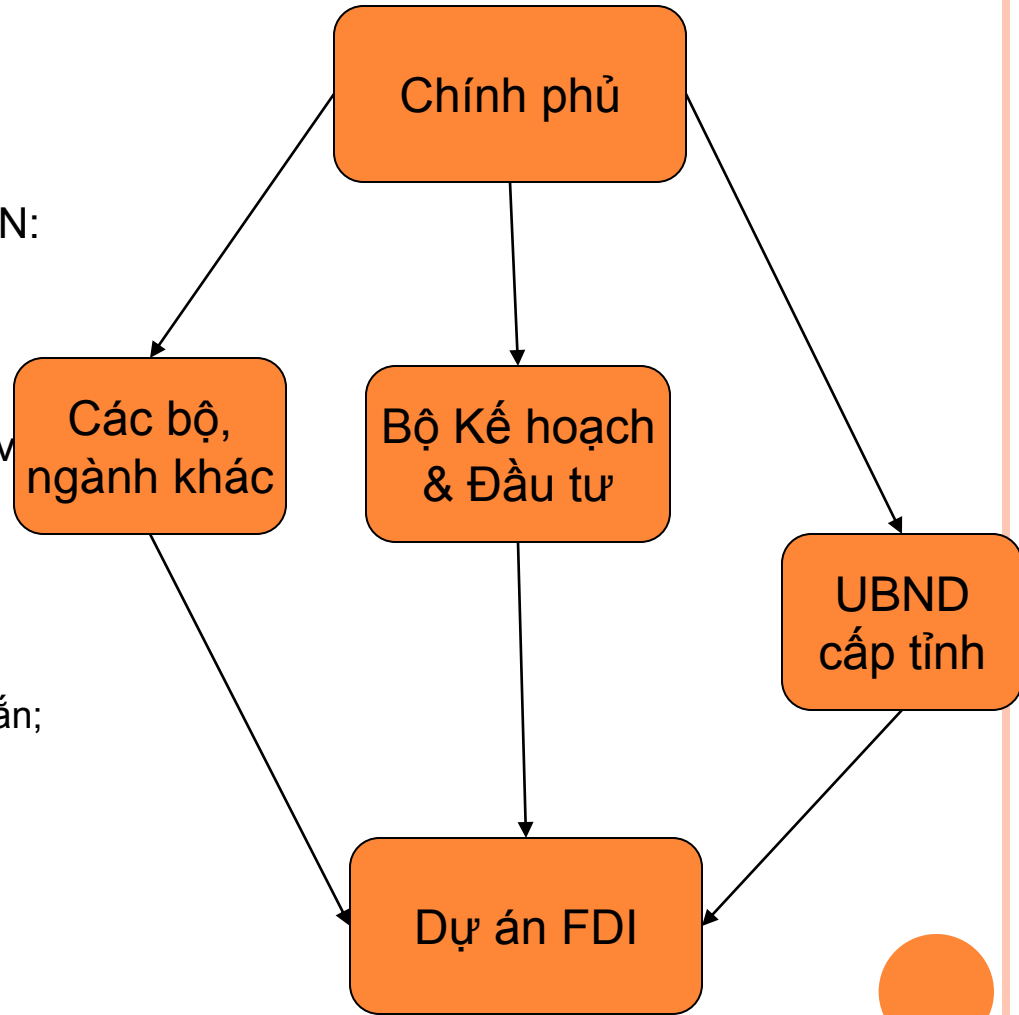
- 2.1. Sơ đồ mô hình quản lý
- 2.2. Đặc điểm của mô hình quản lý



MÔ HÌNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI FDI

o Đặc điểm:

- ❖ Không có bộ chủ quản;
- ❖ Ngày càng được hoàn thiện
 - Sắp xếp lại các cơ quan QLNN:
 - ✓ SCCI chuyển thành MPI
 - ✓ Phân cấp, ủy quyền
 - ✓ Sáp nhập BQL KCN
 - Giảm bớt thủ tục hành chính và ngắn thời gian:
 - ✓ Tiến tới chế độ một cửa;
 - ✓ Thêm chế độ đăng ký đầu tư
 - ✓ Hồ sơ dự án đơn giản
 - ✓ Thời gian cấp phép được rút ngắn;
 - ✓ Chế độ thanh tra, kiểm tra;
 - ✓ Khen thưởng



PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ FDI

❖ Dự án nhóm A:

- Phạm vi của các dự án nhóm A: Điều 114 ND24 và ND27
 - ✓ Các dự án không phân biệt quy mô vốn đầu tư thuộc các lĩnh vực: xây dựng CSHT KCN, KCX, KCNC, ...
 - ✓ Các dự án có vốn đầu tư từ 40 triệu USD trở lên thuộc các ngành điện, khai khoáng, ...
 - ✓ Các dự án sử dụng đất đô thị từ 5ha trở lên và các loại đất khác từ 50 ha trở lên.
- Quản lý trong khâu cấp phép:
 - ✓ Thủ tướng Chính phủ quyết định
 - ✓ Bộ Kế hoạch Đầu tư: Tiếp nhận hồ sơ, chủ trì thẩm định, thi hành quyết định của TTCP.
- Quản lý các khâu khác:

❖ Dự án nhóm B:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- UBND cấp tỉnh
- BQL KCN cấp tỉnh



UBND CẤP TỈNH

○ Các dự án FDI thuộc thẩm quyền thẩm định và cấp giấy phép đầu tư của UBND cấp tỉnh: Điều 115 NĐ 24 và NĐ27

- ❖ Phù hợp với qui hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội đã được duyệt;
- ❖ Không thuộc dự án nhóm A, có qui mô vốn đầu tư theo qui định của TTg;
- ❖ Không phân cấp cấp giấy phép cho UBND tỉnh đối với các dự án sau (không phân biệt qui mô vốn đầu tư):
 - Xây dựng đường quốc lộ, đường sắt ;
 - Sản xuất xi măng, luyện kim, điện, đường ăn, rượu, bia, thuốc lá ; sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy ;
 - Du lịch lữ hành;
 - **Xây dựng và kinh doanh siêu thị;**
 - **Dự án thuộc lĩnh vực văn hóa, giáo dục**



BQL KCN CẤP TỈNH

- Các dự án FDI thuộc thẩm quyền thẩm định và cấp giấy phép đầu tư của BQL KCN cấp tỉnh:
 - ✓ Phù hợp với quy hoạch chi tiết và điều lệ KCN, KCX đã được phê duyệt ;
 - ✓ Thuộc lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ công nghiệp có qui mô đến 40 triệu USD, trừ những dự án thuộc nhóm A theo qui định của NĐ 27/2003/NĐ-CP ;
 - ✓ Có tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm đáp ứng điều kiện do BKHĐT qui định ;
 - ✓ Cam kết tự bảo đảm nhu cầu về tiền nước ngoài ;
 - ✓ Thiết bị, máy móc và công nghệ phải đáp ứng các quy định hiện hành. Trường hợp không đáp ứng các qui định đó phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản ;
 - ✓ Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy, nổ.



CHẾ ĐỘ ĐĂNG KÝ CẤP PHÉP FDI

- Nghị định 24 (điều 105)
 - Không thuộc nhóm A;
 - Phù hợp với quy hoạch đã được duyệt;
 - Không thuộc danh mục dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;
 - Đáp ứng một trong những điều kiện sau :
 - ✓ Xuất khẩu **toàn bộ** sản phẩm ;
 - ✓ Đầu tư vào KCN **đáp ứng các yêu cầu về tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm theo quy định của BKHĐT**;
 - ✓ Thuộc lĩnh vực sản xuất có qui mô đến 5 triệu USD **và có tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm từ 80% trở lên.**
- Nghị định 27
 - Không thuộc nhóm A;
 - Phù hợp với **quy hoạch phát triển ngành hoặc qui hoạch sản phẩm đã được duyệt; trong trường hợp các qui hoạch trên chưa được duyệt thì phải được sự đồng ý của Bộ quản lý ngành;**
 - Không thuộc danh mục dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;
 - Đáp ứng một trong những điều kiện sau :
 - ✓ Các dự án có tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm **từ 80% trở lên**;
 - ✓ **Dự án** đầu tư vào KCN không thuộc nhóm A nhưng thuộc Danh mục lĩnh vực khuyến khích hoặc đặc biệt khuyến khích đầu tư;
 - ✓ Thuộc lĩnh vực sản xuất có qui mô đến 5 triệu USD.



3. QUI TRÌNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI FDI

- 3.1. Ngoài KCN, KCX, KCNC
- 3.2. Trong KCN, KCX, KCNC



3.1. QUI TRÌNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI FDI NGOÀI KCN



HỒ SƠ DỰ ÁN FDI

○ Dự án đăng ký cấp phép

- Đơn đăng ký cấp giấy phép đầu tư ;
- Hợp đồng liên doanh và điều lệ doanh nghiệp liên doanh hoặc điều lệ doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh ;
- Văn bản xác nhận tư cách pháp lý, tình hình tài chính của các bên.

○

○ Dự án thẩm định cấp phép

- Đơn đăng ký cấp giấy phép đầu tư ;
- Hợp đồng liên doanh và điều lệ doanh nghiệp liên doanh hoặc điều lệ doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh ;
- Văn bản xác nhận tư cách pháp lý, tình hình tài chính của các bên;
- Giải trình kinh tế - kỹ thuật;
- Tài liệu liên quan đến CGCN (nếu có).

